Kinh Di Giao 01

Kinh Di Giáo

Kinh Di Giao 01

Times font

Kinh Di Giáo lược giải Thích Viên Giác, 1997

-Phần 1-

Lời nói đầu

Kinh Di Giáo là một tác phẩm đúc kết những gì cần thiết nhất cho người xuất gia, văn chương đẹp đẽ, ý tứ rõ ràng. Đây là những lời dạy sau cùng của Đức Phật, đầy tình thương và sự khích lệ.

Thời còn hành điệu tôi được học kinh này bằng Hán văn, giờ học vào ban đêm. Chùa tôi ở giữa núi rừng bao la tịch mịch, những lời kinh đơn giản nhưng đầy xúc cảm đã tác động rất mạnh vào tâm hồn thơ ngây của tôi, nhất là những đoạn như "Ư Sa la song thọ gian, tương nhập Niết bàn, thị thời trung dạ tịch nhiên vô thanh, vị chư đệ tử lược thuyết pháp yếu"; "Nhữ đẳng thả chỉ, vật đắc phục ngữ. Thời tương dục quá, ngã dục diệt độ ... Thị ngã tối hậu chi sở giáo hối". Niềm xúc động lan tỏa trong tâm hồn non trẻ, đã tạo dấu ấn và niềm tin thanh tịnh đối với Tam bảo, điều đó đã dẫn tôi vượt qua bao chướng ngại trên con đường tu học sau này.

Khi được nghe Ban giáo dục tăng ni Trung ương mời các giảng sư đóng góp giáo án cho chương trình giáo dục Phật giáo các cấp, dù khả năng giới hạn, tôi cũng muốn góp phần mình trong sự nghiệp chung. Được Thượng tọa Chơn Thiện gợi ý về kinh Di giáo, tôi nhận soạn giáo trình kinh Di giáo một cách nhanh chóng vì ấn tượng của tuổi thơ hiện về trong tôi.

Giờ đây tầm nhìn về kinh Di giáo có khác xưa, hệ thống hơn, sâu sắc hơn và rộng rãi hơn, nhưng không hơn được hình ảnh đẹp đẽ của Đức Phật trong tâm thức tôi thời kỳ hành điệu.

Khi soạn giáo trình này tôi dựa vào bản dịch và lời chú giải của Hòa thượng Trí Quang về kinh Di giáo, kinh tạng Nikàya và A hàm. Giáo trình có hai phần chính: một là phần nhận thức tổng quát, hai là phần lược giải nội dung kinh. Có thêm phụ lục nguyên văn bản dịch kinh Di giáo của Hòa thượng Trí Quang cho người dạy và tăng, ni sinh tham khảo.

Với khả năng có giới hạn, kinh nghiệm tu tập còn non yếu, chắc chắn không tránh khỏi sai lầm và thiếu sót. Kính mong chư tôn đức, thiện hữu tri thức hoan hỷ bổ khuyết để giáo án được hoàn bị hơn.

Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Tp Hồ Chí Minh ngày 15 tháng 10 năm 1997

Tỳ kheo Thích Viên Giác

(*) Phần Phụ Lục có kèm thêm bản dịch mới của Thích Nữ Trí Nguyệt.

Kinh Di Giáo Lược Giải

Chương 1

Nhận Thức Tổng Quát

I. Xuất Xứ

Kinh di giáo là một bộ kinh ghi chép những lời dạy cuối cùng của đức Phật, những gì tiêu biểu nhất, tinh tuý nhất của giáo pháp. Vì vậy kinh này được coi là căn bản và cần thiết cho người xuất gia.

Kinh di giáo xuất hiện ở Trung Hoa vào đời Diêu Tần (384-417), bản kinh do ngài Cưu Ma La Thập dịch. Căn cứ vào bản dịch đó, nhiều nhà nghiên cứu và chú giải về kinh này làm cho kinh Di Giáo càng phong phú và sâu sắc hơn, các luận bản như là: Di Giáo Kinh Luận, Di Giáo Kinh Luận Pháp Trú Ký, Di Giáo Kinh Luận Ký, Phật Di Giáo Kinh Luận Sớ Thiết Yếu, Phật Di Giáo Kinh Giải...(Dịch giải kinh giáo huấn để lại của Phật, Trí Quang).

Bối cảnh thuyết kinh là trong rừng Sa la Song Thọ, trước giờ đức Phật nhập Niết bàn. Các nhà nghiên cứu Phật học Trung Hoa xếp kinh Di Giáo này vào hệ thống kinh Niết Bàn, gồm những kinh tạng của Nguyên thủy và Đại thừa, là những kinh nói về trạng thái Đức Phật lúc nhập Niết bàn và những lời giảng dạy của ngài (LSPGTH, Thanh Kiểm)

Truyền thống Nikàya và Ahàm có 2 kinh: Trường bộ kinh có kinh Đại Bát Niết Bàn, Trường Ahàm có kinh Du Hành. Cả hai kinh này nội dung giống nhau (khi trích dẫn chỉ trích kinh Đại Bát Niết Bàn là đủ). Kinh ghi chép lại chuyến du hành cuối đời của Đức Phật vào khoảng thời gian (6 đến 10) tháng trước khi ngài nhập Niết bàn. Lộ trình đi bắt đầu từ thành Vương Xá cho đến xứ Kusinara.

Truyền thống Đại thừa cũng có nhiều kinh, nhưng tiêu biểu nhất là kinh Đại Bát Niết Bàn, 40 quyển do ngài Đàm Vô Sấm dịch (kinh này trùng tên với kinh Trường bộ). Nội dung nói về "pháp thân thường trú" mang tính triết học bản thể.

Để cho sự nghiên cứu được dễ dàng, chúng ta không bàn đến quan điểm "pháp thân thường trú" của kinh Đại Bát Niết Bàn hệ Đại thừa.

II. Liên hệ Kinh Di Giáo với Kinh Đại Bát Niết Bàn.

Sau khi đọc hai kinh Đại Bát Niết Bàn và kinh Du Hành trong Trường Bộ kinh và Trường Ahàm, đối chiếu với bản kinh Di Giáo này, một số nhận định có thể rút ra như sau:

1. Về mặt hình thức:

Kinh Đại Bát Niết Bàn và kinh Du Hành thuộc loại văn tường thuật, ký sự. Kể lại chuyến du hành cuối đời Đức Phật đi từ Vương Xá đến Kusinara, đi qua từ 14 đến 17 địa danh khác nhau. Qua mỗi địa phương Đức Phật và đại chúng dừng lại nghỉ ngơi một thời gian, mỗi nơi Đức Phật đều thuyết pháp độ sinh, những thời pháp ấy đều được ghi lại.

Kinh Di Giáo bản Hán dịch có hình thức một tác phẩm văn học, được sắp xếp hệ thống hóa những lời dạy của Đức Phật thành một thời thuyết pháp từ đầu cho tới cuối và đặt ngay vào thời điểm Đức Phật sắp nhập Niết bàn.

2. Về mặt bố cục nội dung:

Kinh Du Hành và kinh Đại Bát Niết Bàn trình bày nội dung trải dài theo con đường mà Đức Phật và đại chúng đi qua, những gì xảy ra, những gì được thuyết giảng đều ghi chép, cho đến thời điểm Đức Phật nhập Niết bàn tại rừng Sa La Song Thọ.

Giáo lý được Đức Phật nhấn mạnh và lặp đi lặp lại là phương pháp hành trì Giới-Định-Tuệ. Giáo lý được Đức Phật xác định rằng đó là nội dung chứng ngộ, giảng dạy và truyền bá là 37 phẩm trợ đạo. Một số lời dạy mang tính di huấn 3 lần qua 3 thời điểm khác nhau trong chuyến du hành cuối cùng ấy.

Kinh Di Giáo bản Hán trình bày bố cục nội dung rất mạch lạc và có hệ thống, nghĩa là đúc kết những gì Đức Phật dạy trong kinh Du Hành và Đại Bát Niết Bàn thành một bản văn, ý tứ rõ rệt, có thêm hoặc bớt so với hai kinh trên một số vấn đề. Nội dung được trình bày tuần tự Giới – Định – Tuệ và những lời khích lệ tu tập sau cùng.

3. Những điểm giống nhau:

a) Pháp môn tu tập Giới Định Tuệ

Ở kinh Du Hành và Đại Bát Niết Bàn, pháp môn Giới Định Tuệ được Đức Phật lặp đi lặp lại từ đầu kinh cho đến cuối kinh 8 lần, điều đó cho thấy Giới Định Tuệ là những gì cần thuyết, là cốt lõi của sự tu tập: "Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc tức là dục lậu , hữu lậu và vô minh lậu" (ĐBNB).

Kinh Di Giáo cũng trình bày pháp môn Giới Định Tuệ nhưng đề cập chi tiết và dài dòng hơn.

b) Những lời di huấn:

-Xác định giới pháp là thầy, trong kinh ĐBNB, Phật dạy: "Này Anan, pháp và luật ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi ta diệt độ thì pháp và luật ấy sẽ là đạo sư của các ngươi"(Trường bộ kinh II, T. 663).

Kinh Di Giáo Phật dạy: "các thầy tỳ kheo, sau khi Như Lai diệt độ phải trân trọng tôn kính tịnh giới...phải biết tịnh giới là đức thầy cao cả của các ngươi. Nếu Như Lai có ở đời thì cũng không khác gì tịnh giới ấy" (Trí Quang dịch).

-Lời dạy cuối cùng:Trong kinh Đại Bát Niết Bàn, Phật dạy:"Này các tỳ kheo, nay ta dạy các ngươi: các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn lên chớ phóng dật" (sđd).

Kinh Di Giáo Phật dạy: "Này các tỳ kheo hãy thường nhất tâm nỗ lực cần cầu tuệ giác giải thoát, toàn thể vũ trụ là pháp biến động hay không biến động đều là trạng thái bất an và tan rã (vô thường)" (Trí Quang dịch).

c) Những lời khích lệ

Kinh Đại Bát Niết Bàn đức Phật dạy: "Này các tỳ kheo, nếu có tỳ kheo nào nghi ngờ hay phân vân gì về Phâït, Pháp, Tăng, con đường hay phương pháp thì các thầy hãy hỏi đi. Sau khỏi hối tiếc rằng: Bậc đạo sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn" (sđd). Sau đó đại chúng phát biểu không có gì thắc mắc.

Kinh Di Giáo đức Phật dạy: "Các thầy tỳ kheo, đối với bốn chân lý các thầy còn hoài nghi chỗ nào thì có thể chất vấn tức khắc không nên giữ sự hoài nghi mà không cầu giải đáp" (sđd). Sau đó đại chúng cũng không thắc mắc.

Qua những liên hệ trên, chúng ta có thể kết kuận rằng mối quan hệ giữa hai kinh Đại Bát Niết Bàn (ĐBNB) và Du Hành với kinh Di Giáo có mối quan hệ chặt chẽ. Có thể nói rằng kinh Di Giáo đã đúc kết lại hệ thống hóa nội dung của hai kinh trên. Tất nhiên kinh Di Giáo được trước tác về sau.

III. Nội Dung Tổng Quát Kinh Di Giáo.

Nội dung kinh Di Giáo được xây dựng trình tự Giới, Định, Tuệ. Phần Giới được nói đến nhiều nhất, hơn một nửa dành cho Giới. Đây chính là phần nền tảng của kinh cũng là căn bản của Định, Tuệ và giải thoát.

1) Giới học:

Sự quan trọng của giới được xác định ngay từ đầu kinh rằng: "Phải biết tịnh giới là đức thầy cao cả của các thầy, nếu Như Lai có ở đời thì cũng không khác gì tịnh giới ấy". Xác quyết như vậy để đề cao vai trò của giới luật, nhưng dễ gây ngộ nhận về giá trị tuyệt đối của giới, vì vậy có những hành giả chỉ tu tập giới, chấp thủ giới điều như là những nguyên tắt bất di bất dịch.

Kinh ĐBNB nói rõ hơn một chút: "Này Anan pháp và luật ta đã giảng dạy và trình bày..." bao hàm cả giáo pháp và giới luật, là chỗ nương tựa cho chúng tỳ kheo sau khi Đức Phật nhập diệt.

Có người coi giới là phụ thuộc của thiền định và trí tuệ họ coi những hình thức giữ giới có vẻ tiểu tiết, thuộc căn cơ trình độ thấp, họ coi thiền và tuệ phóng khoáng và siêu thoát hơn. Thực ra giới hạnh là nền tảng cho thiền và tuệ. Mối quan hệ của 3 phần này không thể phân ly. Giới hạnh không chỉ thực hành những qui định trong giới bổn mà còn là công phu gạn lọc, kiểm soát, ngăn ngừa và đoạn trừ các ô nhiễm của tâm lý. Từ đó tạo điều kiện cho thiền định được vững chãi, phát triển trí tuệ được dễ dàng.

Giới hạnh là một phần của định và tuệ. Do vậy nên hiểu giới trong kinh Di Giáo qua 3 chi phần của bát chánh đạo: chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Vậy giới hạnh

không chỉ tác dụng trong phạm vi cá nhân mà còn tạo ảnh hưởng về mặt xã hội.

Trên cơ sở đó phần giới của kinh di giáo ngoài những điều mang tính qui định của giơí bổn, còn thêm các phần: chế ngự các giác quan, chế ngự tâm ý, tiết chế ăn uống, thực hành đức tàm quí, nhẫn nhục, khiêm tốn, không dua nịnh, thiểu dục, tri túc và hạnh độc cư. Những đức tính này cũng có trong kinh Du hành và kinh Đại Bát Niết Bàn.

2) Định học:

Như trên đã nói giới là nền tảng, không có giơí hạnh thì hành vi bất thiện, tâm lý bất an, tâm không sẵn sàng để thực hành thiền định. Chúng ta không nên hiểu thiền định như là pháp môn của một tông phái, danh từ thiền tông dễ gây ngộ nhận như vậy. Thiền định là con đường tu tập của đạo Phật, không có thiền tất cả các pháp môn đều bế tắc, thiền là xương sống của Phật giáo.

Tâm lý chúng ta luôn luôn bị tác động bởi các đối tượng giác quan và đối tượng tâm ý. Những tham lam, sân hận, si mê, sợ hãi, phiền muộn ... làm tâm ta náo động, bất an. Định là làm cho tâm không bị náo động, tán loạn. Tâm bình lặng thì mới sáng suốt, do vậy thấy rõ hơn về bản chất của đời sống, như mặt nước có lặng mới phản chiếu sự vật, kinh Di Giáo Phật dạy: "Tập trung tâm lại thì tâm sẽ ở trong thiền định. Tâm ở trong thiền định thì có thể thấu triệt trạng thái chuyển biến của vũ trụ " (HT Trí Quang dịch). Nhờ thiền định những hoạt động của tình cảm (thất tình, lục dục) lắng dịu, tâm lý thoát ly được sự ức chế của cảm giác và tư duy , thói quen chấp ngã được chuyển hóa, trí tuệ càng sắc bén, tâm càng thanh tịnh . Không có thiền định thì không có tuệ, đồng thời giữ giới cũng khó.

Phần định trong kinh Di Giáo có 3 tiết: tiết 1 thuyết minh về hạnh tinh tấn, tiết 2 nói về công đức chánh niệm và tiết 3 nói về công đức thiền định . Như vậy phù hợp với 3 chi phần trong bát chánh đạo:chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Tinh tấn trong phần thiền định là sự nỗ lực duy trì sự an trú tâm trong thiện pháp đưa đến an trú chánh niệm làm cơ sở cho tâm định. Đức Phật dạy: "Ta tinh cần, tinh tấn không lười biếng. Ta an trú chánh niệm, không có loạn, thân được khinh an, không có giao động, tâm được định tĩnh chuyên nhất" (Trung bộ kinh I, T. 53). Tinh tấn là sự duy trì tâm, chuẩn bị tâm trong trạng thái sẵn sàng để tâm vào định.

3) Tuệ học:

Trí tuệ cũng là chánh kiến, chánh tư duy, vừa là nhân vừa là quả của giới hạnh và thiền định. Có giới phải là do tuệ, nhưng mức độ tuệ chưa đạt đến viên mãn có thể đoạn tận các lậu hoặc, có định cũng do tuệ ở mức độ cao hơn.

Khi tâm định mọi cấu uế của tâm đều lắng dịu, tâm trở nên thuần nhất, nhu nhuyến dễ sử dụng, do đó tâm hướng về bất cứ đối tượng nào đều trực nhận bản chất của đối tượng đó. Đức Phật dạy: "Với tâm định tỉnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, ta dẫn tâm hướng tâm đến túc mạng minh, thiên nhãn minh, lậu tận minh" (Trung bộ kinh I. T 56).

Trí tuệ theo quan điểm của đạo Phật khác với quan niệm thông thường, trí tuệ là sự thấy biết đoạn trừ phiền não, ô nhiễm, tác dụng của trí tuệ là đoạn được, ví như lưỡi gươm cắt đứt mối dây ràng buộc. Có ngươì học cao, địa vị lớn , trí thức lớn nhưng chưa chắc có trí tuệ như người ta thường nói học vị cao chưa hẳn đã có văn hóa. Trong kinh Di Giáo đức Phật dạy: "Các thầy tỳ kheo, có trí tuệ thì hết đam mê" sự thấy biết mà hết được đam mê ấy Phật giáo gọi là trí tuệ hay liễu tri – cái biết rốt ráo.

Kinh Di Giáo phần tuệ học có 2 tiết. Tiết đầu nói về công đức thành tựu trí tuệ, tiết 2 nói về công đức không hý luận. Không hý luận tức không đam mê hý luận, coi trọng lý thuyết, học thuyết, ưa chuộng huyền đàm, bề ngoài có vẽ thông minh trí tuệ, nhưng bên trong thì rỗng; hý luận làm rối loạn tâm thức. Vì vậy không hý luận được đưa vào nhóm tuệ là hợp lý . Trí tuệ ở trong bát chánh đạo là chánh kiến, chánh tư duy. Chánh kiến tương đương tiết 1, chánh tư duy tương đương với không hý luận ở tiết 2.

4) Những lời khích lệ và dặn dò cuối cùng:

Gồm 6 tiết cuối cùng, ghi những lời dạy khích lệ tinh thần tu tập của đại chúng. Con đường chân lý đã có, bậc đạo sư hướng dẫn cũng đã có, còn lại là phần thực hành của người đệ tử có nỗ lực tu tập hay không mà thôi.

Đức Phật cho phép đại chúng được trình bày chỗ hoài nghi của mình đối với giáo pháp, để sau này khỏi hối tiếc nhưng đại chúng không nghi ngờ gì về giáo pháp, bày tỏ niềm tin vững chắc của mình.

Đức Phật khuyên đệ tử không nên buồn rầu, những gì cần làm Ngài đã làm, những người đáng độ Ngài đã độ, các đệ tử cần tiếp tục chí hướng mà bậc đạo sư đã vạch sẵn thì pháp thân của Như Lai sẽ thường trú bất diệt.

IV. Kết Luận

Toàn bộ hệ thống giáo lý Phật giáo đều nhắm đến mục đích giải thoát. Đức Phật dạy: "Nước trong bốn biển chỉ có một vị là vị mặn, giáo pháp của ta chỉ có một vị đó là vị giải thoát". Suốt cuộc đời của đức Phật, hoạt động không ngừng nghỉ chỉ để thực hiện mục tiêu giải thoát khổ đau cho con người.

Phương pháp thực hiện mục tiêu thoát khổ này, được đức Phật giảng dạy rõ ràng và nhất quán: Giới, Định, Tuệ. Điều này không có gì bàn cãi, nó đã được thực hiện cụ thể hay bàng bạc trong tất cả kinh điển Nguyên thủy lẫn Đại thừa. Vấn đề ở chỗ giới thiệu trình bày như thế nào, nhấn mạnh khía cạnh nào mà thôi.

Đối với kinh Di Giáo, Giới Định Tuệ được giảng dạy trong bối cảnh Đức Phật sắp nhập Niết bàn, tạo ấn tượng sâu sắc đối với người đọc. Lời dạy cuối cùng của một bậc đạo sư bao giờ cũng là điều thiết yếu, mặc dù lời lẽ đơn giản ngắn ngủi nhưng đấy là những lời tâm huyết của một đời người. Cho nên có tác dụng rất lớn về mặt tâm lý.

Kinh Di Giáo rất coi trọng phần giới, nên trình bày chi tiết. Vì vậy có người cho kinh này là pháp của người sơ cơ mới học. Đó là một cái nhìn vội vã. Luận sư Thế Thân trong Di Giáo kinh luận đã nhận định rằng kinh Di Giáo là đạo phương tiện của Bồ Tát:

"Luận này còn xây dựng, giải thích nghĩa kinh Phật là để các Bồ Tát biết được đạo phương tiện. Biết được đạo phương tiện ấy thì phật pháp trường tồn diệt trừ lỗi phàm thánh, thành tựu lợi tự tha" (Trí Quang dịch}.

Và kinh Pháp Hoa, một bộ kinh lớn của Đại thừa, coi phẩm An lạc hạnh là hạnh của Bồ Tát, nội dung phẩm An lạc hạnh không khác phần giới của kinh Di Giáo . Vì vậy phải biết tác dụng của kinh Di Giáo là lớn lao vô cùng.

-ooOoo-

[xem tiếp Phần 2]

[Trở về trang Thư Mục]

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.